

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 511/2025/DS-PT

Ngày: 27-8-2025

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Hùng.

Ông Phạm Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hậu Giang (cũ) nay là Tòa án nhân dân KV – thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 466/2025/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B.

Địa chỉ: Số E, đường P, phường C, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là Phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Văn S.

Địa chỉ: Số A, khu dân cư T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là phường A, thành phố Cần Thơ, có mặt.

- Bà Nguyễn Hà Ái T.

Địa chỉ số F khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Kiều Kim C.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thành Vĩnh T1.

Địa chỉ: Số B đường C, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường V, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Phạm Thu T2.

Địa chỉ: Số C đường N, khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường V, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Kiều Công S1.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện có người đại diện trình bày: Trước đây, do mối quan hệ quen biết thân tình, bà Kiều Kim C nhiều lần hỏi mượn tiền ông B và ông B đồng ý nên nhiều lần chuyển khoản cho bà C mượn tiền để xử lý công việc gia đình và xây dựng quán cafe. Bà C có nói với ông B số tiền để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp ngân hàng nhiều năm, sau đó sẽ mở quán cafe kinh doanh sau này. Do đó, ngày 05/6/2023, ông B có chuyển khoản cho bà C mượn số tiền 258.000.000 đồng. Sau đó, bà C cần tiền xây dựng quán cafe sân vườn, nên mượn tiếp của ông B số tiền 278.000.000 đồng, ông B đã chuyển khoản cho bà C theo biên nhận chuyển khoản ngày 19/6/2023. Tiếp theo, bà C cần tiền để mua chiếc xe SH làm phương tiện đi lại, có mượn thêm của ông B số tiền 90.000.000 đồng, ông B chuyển khoản cho bà C theo biên nhận chuyển khoản ngày 11/6/2023.

Ngoài ra, bà C còn hứa hẹn sẽ đồng ý kết hôn với ông B, làm vợ và sinh con cho ông B và bà C có nói với ông B chuyển tiền mua vàng để làm đám cưới. Do tin tưởng bà C nên ông B chuyển số tiền mua vàng như sau: 72.684.000 đồng để mua 04 bộ vòng ximen ông B chuyển khoản ngày 04/6/2023, 12.000.000 đồng tiền mua bông tai và nhẫn ông B chuyển khoản ngày 05/6/2023 và ngày 06/6/2023, 130.000.000 đồng tiền mua 02 cây vàng 9999 ông B chuyển khoản ngày 05/6/2023. Tổng số tiền mua vàng cưới là 214.684.000 đồng.

Tuy nhiên, sau nhiều lần nhận được tiền của ông B thì bà C không muốn lấy ông B làm chồng và né tránh không gặp ông B nữa. Ông B có yêu cầu bà Chi T3 lại cho ông B các khoản tiền mà ông B đã cho bà C mượn và trả lại toàn bộ số tiền mua vàng nếu bà C không kết hôn với ông B nhưng bà C không đồng ý và cố tình lẩn tránh nhằm không thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản cho ông B.

Nhận thấy, hành vi của bà Kiều Kim C đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B được pháp luật bảo vệ. Do đó, ông B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang giải quyết buộc bà Kiều Kim C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B các khoản tiền đã mượn cụ thể như sau:

1. Số tiền 258.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để trả nợ ngân hàng giải chấp lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, theo giao dịch chuyển khoản ngày 05/6/2023.

2. Số tiền 278.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để xây dựng quán cafe sân vườn theo giao dịch chuyển khoản ngày 19/6/2023.

3. Số tiền 90.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để mua xe SH làm phương tiện đi lại theo giao dịch chuyển khoản ngày 11/6/2023.

4. Số tiền 72.684.000 đồng để mua 04 bộ vòng ximen, 12.000.000 đồng mua bông tai và nhẫn, 130.000.000 đồng mua 02 cây vàng 9999. Tổng số tiền mua vàng là 214.684.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông B yêu cầu bà Kiều Kim C hoàn trả lại cho ông B là 840.684.000 đồng. Ông B không có yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nêu trên.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn bà Kiều Kim C là bà Nguyễn Phạm Thu T2 trình bày:

Đầu năm 2023 khi bà C làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh thì có quen biết với ông Huỳnh Văn B. Ông Huỳnh Văn B theo đuổi bà C, ban đầu bà C không chấp nhận tình cảm của ông B do thấy chênh lệch tuổi tác. Lâu dần thì bà C cũng thay đổi và có tình cảm với ông B, ông B nói với bà C rằng ông không còn vợ. Ông B có về gia đình bà C xin hỏi cưới bà C và được gia đình bà C đồng ý.

Trong thời gian quen nhau, ông B nhằm lấy lòng bà C và gia đình bà C nên ông B tự nguyện cho bà C tổng số tiền 965.000.000đ. Việc cho tiền thể hiện qua các lần cụ thể như sau:

- Ngày 02/6/2023: Chuyển 10.000.000đ nội dung Tiền mua quần áo.
- Ngày 02/6/2023: Chuyển 7.000.000đ nội dung Tiền chụp hình thuê áo cưới.
- Ngày 03/6/2023: Chuyển 25.000.000đ nội dung Tiền cọc tiệc cưới và 3 mâm ở nhà.

- Ngày 05/6/2023: Chuyển 487.000.000đ nội dung Chi phí tiệc cưới và giấy tờ đất. Trong đó giấy tờ đất là phần tiền ông B cho gia đình bà Chi T3 cho Ngân hàng số tiền 80.000.000đ và tiền lãi 36.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quán cà phê, còn lại 371.000.000đ phục vụ chi phí tiệc cưới.

- Ngày 06/6/2023: Chuyển 12.000.000đ nội dung Tiền đôi bông tai, sửa phòng.

- Ngày 08/6/2023: Chuyển 20.000.000đ nội dung Lọ la phong, tole nhà vệ sinh, sơn nước.

- Ngày 10/6/2023: Chuyển 7.100.000đ nội dung Tiền công và sơn thêm

- Ngày 10/6/2023: Chuyển 7.200.000đ nội dung S1 ngoài nhà.

- Ngày 11/6/2023: Chuyển 90.000.000đ nội dung mua xe SH

- Ngày 19/6/2023: Chuyển 300.000.000đ nội dung Tiền xây phần thô cà phê sân vườn và làm rào.

Tháng 6/2023, bà C và ông B tổ chức đám cưới tại Nhà hàng T4. Sau đám cưới bà C phát hiện ông B nói dối và hiện tại ông B vẫn còn vợ hợp pháp ở thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà C quyết cắt đứt quan hệ vợ chồng với ông Huỳnh Văn B.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B bà C không thống nhất vì ông B tự nguyện cho bà C trong thời gian yêu nhau, bản thân bà C và gia đình không mượn hoặc vay của ông B. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Công S1 trình bày:

Đầu năm 2023 khi bà C (Con ruột ông S1) làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh thì có quen biết với ông Huỳnh Văn B. Ông B theo đuổi bà C, ban đầu bà C và gia đình không chấp nhận tình cảm của ông B do thấy chênh lệch tuổi tác. Lâu dần thì bà C cũng thay đổi và có tình cảm với ông B, ông B nói với bà C rằng ông không còn vợ. Ông B có về gặp gia đình xin hỏi cưới bà C và được gia đình bà C đồng ý.

Trong thời gian quen nhau ông B có đến ở nhà của bà C, thấy đất của gia đình rộng nhưng không sử dụng nên nhằm lấy lòng bà C và gia đình bà C nên ngày 5/6/2023 ông B tự nguyện chuyển cho Kiều Kim C để cho bà C số tiền 116.000.000đ trả cho Ngân hàng số tiền 80.000.000đ và tiền lãi 36.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quán cà phê cho bà C kinh doanh.

Gia đình có tổ chức lễ ăn hỏi theo phong tục địa phương đến tháng 6/2023, bà C – ông B tổ chức đám cưới tại Nhà hàng T4.

Bản thân ông S1 và gia đình không mượn hoặc vay tiền của ông Huỳnh Văn B. Hiện nay ông S1 đã lớn tuổi, đi lại khó khăn nên ông xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn B yêu cầu bà Kiều Kim Chi T3 lại:

1. Số tiền 258.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để trả nợ ngân hàng giải chấp lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, theo giao dịch chuyển khoản ngày 05/6/2023.

2. Số tiền 278.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để xây dựng quán cafe sân vườn theo giao dịch chuyển khoản ngày 19/6/2023.

3. Số tiền 90.000.000 đồng cho bà Kiều Kim C mượn để mua xe SH làm phương tiện đi lại theo giao dịch chuyển khoản ngày 11/6/2023.

4. Số tiền 130.000.000 đồng mua 02 cây vàng 9999.

Tổng số tiền bà C phải trả cho ông B là: 768.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn B rút lại yêu cầu khởi kiện về việc đòi bà Chi T3 lại số tiền 72.684.000 đồng để mua 04 bộ vòng ximen.

Đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Phạm Thu T2 trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và các lời khai ban đầu. Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu bị đơn bà Kiều Kim C có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn B số tiền 768.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu bà Kiều Kim C phải trả lại số tiền 72.684.000 đồng để mua 04 bộ vòng ximen.

3. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, bị đơn ông Huỳnh Văn B có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà C thừa nhận có nhận tiền của ông B các khoản tiền phục vụ đám cưới, khoản tiền này ông B không đòi lại, ông chỉ yêu cầu bà Chi T3 lại 4 khoản tiền gồm: tiền chuộc giấy đất, tiền sửa quán cà phê, tiền mua xe SH và tiền mua vàng cưới. Bà C nhận tiền của ông B nhưng không đăng ký kết hôn với ông B là có sự lừa dối.

Đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng: Ông B không chứng minh được việc chuyển tiền là cho bà C vay, nên không đồng ý trả lại cho ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn B kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ tình cảm với nhau, ngày 13/6/2023 nguyên đơn và bị đơn tổ chức lễ thành hôn tại nhà hàng T4 (BL 102-104). Nguyên đơn ông B cho rằng nhiều lần chuyển tiền cho bị đơn bà Kiều Kim C mượn với số tiền 965.000.000đồng, căn cứ vào bảng sao kê (BL 01-02) do nguyên đơn cung cấp, bị đơn bà C thừa nhận có nhận số tiền này của nguyên đơn, nhưng đây là tiền nguyên đơn cho bị đơn để tổ chức đám cưới giữa hai người và các khoản phí khác.

Căn cứ vào bảng sao kê của nguyên đơn cung cấp thì tất cả các nội dung chuyển khoản nguyên đơn đều ghi lại như tiền 4 bộ vòng ximen, tiền tiệc cưới ngày 13/6/2023, tiền xây phần thô cà phê sân vườn và làm rặng, tiền mua xe SH, tiền sửa chữa phòng ngủ, tiền chi phí tiệc cưới và giấy tờ đất, tiền mua vàng cưới...Tuy nhiên không có nội dung nào ghi nhận chuyển khoản là tiền cho vay hay cho mượn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông B cho rằng bà C không thực hiện đúng như hứa hẹn là sống chung và sinh con cho ông B nên những khoản tiền ông B chuyển khoản cho bà C thì bà C phải trả lại cho ông B.

Xét thấy, quan hệ giữa ông B và bà C không phải là thỏa thuận có điều kiện chỉ là sự thỏa thuận đơn thuần để hai người tiến đến kết hôn với nhau, căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc tổ chức đám cưới của ông B và bà C là có thật, việc không đăng ký kết hôn là sự tự nguyện của hai bên không có sự ép buộc,

đồng thời việc ông B tự nguyện chuyển tiền cho bà C là tự nguyện vì có phát sinh quan hệ tình cảm, bà C không ép buộc ông B phải chuyển tiền do vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Huỳnh Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Văn B được miễn theo quy định người cao tuổi.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 27 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh